

Hoàng Văn Chí

# Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc

"... Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết." (Phan Khôi)

## MỤC LỤC

### Lời tựa

#### **Phần I: Cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc**

Chương I: Nguyên nhân cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Chương II: Lịch trình đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

Chương III: Phương pháp đấu tranh của trí thức ở miền Bắc

#### **Phần II: Tài liệu (Nhân vật và Tác phẩm)**

##### ***I. Phái cựu học***

###### **Cu Phan Khôi**

- Giới thiệu cụ Phan Khôi
- Phê bình lãnh đạo văn nghệ
- Tìm ưu điểm (ngụ ngôn)
- Ông Bình Vôi
- Ông Năm Chuột (truyện ngắn)
- Nắng chiều

##### ***II. Phái thanh niên***

###### **Trần Dần**

- Giới thiệu Trần Dần
- Nhất định thắng (thơ)
- Hãy đi mãi (thơ)

###### **Phùng Quán**

- Giới thiệu Phùng Quán
- Chồng tham ô lãng phí (thơ)
- Lời mẹ dặn (thơ)

###### **Tạ Hữu Thiện**

- Giới thiệu Tạ Hữu Thiện
- Tôi tìm em (thơ)

###### **Bùi Quang Đoài**

- Giới thiệu Bùi Quang Đoài
- Lịch sử một câu chuyện tình (truyện ngắn)
- Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị (bút chiến)

###### **Minh Hoàng**

- Giới thiệu Minh Hoàng
- Đồng máy (truyện ngắn)

###### **Phùng Cung**

- Giới thiệu Phùng Cung
- Con ngựa già của chúa Trịnh (truyện ngắn)

###### **Trần Lê Văn**

- Giới thiệu Trần Lê Văn
- Bức thư gửi một người bạn cũ

###### **Hoàng Tích Linh**

- Giới thiệu Hoàng Tích Linh
- Xem mặt vợ (kịch ngắn một hồi)
- Cơm mới (kịch một hồi)

### **III. Các nhà văn đứng tuổi**

#### **Tố Hữu**

- Giới thiệu Tố Hữu
- Bài ca tháng Mười (thơ)
- Đòi đòi nhớ Ông (thơ)

#### **Nguyễn Tuân**

- Giới thiệu Nguyễn Tuân
- Phở (tuý bút)
- Phê bình nhất định là khó
- Nguyễn Tuân tự phê bình

#### **Văn Cao**

- Giới thiệu văn Cao
- Anh có nghe không (thơ)
- Những ngày báo hiệu mùa xuân (trích trong bài thơ dài “Những người trên cửa biển”)

#### **Trần Duy**

- Giới thiệu Trần Duy
- Những người khổng lồ
- Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ

#### **Hoàng Cầm**

- Giới thiệu Hoàng Cầm
- Em bé lên sáu tuổi (thơ)
- Tiếng hát (trích 2 đoạn trong hồi thứ nhất vở kịch thơ dài *Tiếng hát Trương Chi*)

#### **Hữu Loan**

- Giới thiệu Hữu Loan
- Cũng những thằng nịnh hót (thơ)
- Lộn sòng (truyện ngắn)

#### **Sỹ Ngọc**

- Giới thiệu Sỹ Ngọc
- Làm cho hoa nở bốn mùa
- Bất mãn

#### **Chu Ngọc**

- Giới thiệu Chu Ngọc
- Chúng ta gắng nuôi con (hoạt cảnh)

#### **Như Mai**

- Giới thiệu Như Mai
- Thi sĩ máy

### **IV. Các nhà học giả**

#### **Đào Duy Anh**

- Giới thiệu Đào Duy Anh
- Muốn phát triển học thuật

#### **Trần Đức Thảo**

- Giới thiệu Trần Đức Thảo
- Nội dung xã hội và hình thức tự do
- Nỗ lực phát triển tự do dân chủ

#### **Nguyễn Mạnh Tường**

- Giới thiệu Nguyễn Mạnh Tường
- Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo
- Vừa khóc vừa cười

## LỜI TỰA

**Trăm hoa đua nở, Trăm nhà đua tiếng** là dịch nôm câu chữ Hán: **Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh**, trong cổ văn.

Đây là một câu mà các học giả đời Hán đặt ra để vừa ca tụng vừa tỏ ý luyến tiếc nền văn học cổ điển của Trung Quốc, sáng ngời trong mấy thế kỷ trước, về thời Đông Chu. Văn học Trung Hoa về thời Đông Chu quả thật xứng đáng cho các thế hệ sau ca ngợi, vì trong vòng ba thế kỷ (từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch kỷ nguyên), các học giả thời Đông Chu đã đưa nền văn học Trung Quốc từ chỗ thấp nhất đến chỗ cao nhất mà hai nghìn năm sau, không tài nào vươn tới.

Gần như cùng một lúc, Lão học, Khổng học và Mặc học đua nhau ra đời, tiếp theo là những học thuyết uyên thâm của Mạnh Tử, Tuân Tử và Dương Chu. Có thể nói được rằng hầu hết các lý thuyết hiện nay còn đương tranh giành ảnh hưởng trong nhân loại, như chủ nghĩa dân chủ, lãng mạn, vô chính phủ, duy vật, xã hội, quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, phát xít, v.v... đều đã có đại diện từ thời bấy giờ. Tính theo thời gian thì nền văn học Trung Quốc đã bỏ xa nền văn học Âu châu vào khoảng 20 thế kỷ. Vì vậy nên ngày nay, những học giả nghiên cứu về lịch sử văn hoá Á đông đều phải thắc mắc về một điểm: Tại sao một nền văn hoá đương phát triển một cách tốt đẹp như vậy lại bỗng nhiên đứng dừng lại, khiến trong suốt hai nghìn năm về sau, Trung Quốc chỉ có lùi mà không có tiến về phương diện tư tưởng?

Ông Tibor Mende, một nhà học giả Tây phương, chuyên nghiên cứu về các vấn đề Á đông, đã ví nền văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ như hai con sông lớn, đã mang sinh lực tươi khắp miền Đông Nam Á, bỗng dưng bị cạn hết nước. Nguyên nhân gì đã làm tụt ngòi? Ông nêu ra câu hỏi mà không trả lời.

*Nói một cách rõ ràng hơn thì: Tại sao về thời Đông Chu lại có Khổng, Mạnh, Lão, Mặc,.. mà hai nghìn năm sau không có vị thánh hiền nào cả? Hoặc dùng một hình ảnh tượng trưng thì: tại sao trong một thời đại loạn ly như thời Xuân Thu, Chiến Quốc, trăm hoa lại đua nở mà từ thời ấy về sau hoa lại không nở?*

Chúng tôi nghĩ rằng nếu ôn lại lịch sử chính trị Trung Quốc, chúng ta có thể tìm ra câu giải đáp. Về thời Đông Chu, Trung Quốc bị phân chia thành nhiều nước chư hầu, luôn luôn đánh nhau để tranh giành ngôi bá chủ, nên nước nào cũng lo thu phục nhân tài để mở mang thế lực. Vì vậy nên kẻ sĩ đương thời được trọng đãi. Một mặt khác vì nước nào cũng yếu, nên không ông vua nào có đủ quyền lực để thiết lập chế độ độc tài. Do đó ngôn luận không bị kiểm chế vì các nhà học giả, nếu chẳng may bị vua chúa trong nước khủng bố vì tội đã phát biểu một ý kiến trái ngược với đường lối của triều đình, thì cũng dễ dàng vượt biên giới chạy sang nước đối nghịch, có người sẵn sàng dung nạp ngay. Vì vậy nên mới có quang cảnh "**Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng**". Nếu hoa không nở được ở khí hậu này, có thể nở được ở khí hậu khác. Nếu một học giả không phổ biến được tư tưởng của mình ở Tề, thì có thể di cư sang Sở chẳng hạn, để truyền bá học thuyết của mình.

Thời Đông Chu tuy là một thời loạn lạc, nhưng chính vì loạn lạc mà tư tưởng không bị kiểm soát. Trái lại, sau khi Thương Ưởng đưa ra thuyết quân chủ chuyên chế và Lý Tư, học trò của Thương Ưởng giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, thì từ ngày ấy về sau không một vị thánh hiền nào xuất hiện trên đất Trung Quốc nữa. Một lẽ rất dễ hiểu là không có tự do tư tưởng thì không có nhà tư tưởng, cũng như hễ không có nước thì không thể nào có cá được. Lý Tư, môn đệ của phái Pháp gia, được Tần Thủy Hoàng bổ làm Thượng thư, làm sớ tâu đại khái như sau:

***"Từ trước tới nay, thiên hạ sống trong cảnh phân chia, nên tư tưởng bị hỗn loạn... Ngày nay Bệ hạ đã thống nhất sơn hà mà vẫn còn nhiều người ngang nhiên mở trường dạy học, mang ý kiến riêng của mình ra chê bai luật pháp và chính sách của triều đình... Nếu Bệ hạ không mau ngăn cấm thì kỳ cương sẽ sụp đổ từ trên xuống dưới và đảng phái sẽ mọc từ dưới lên trên."***

Năm 213 trước Tây lịch, Tần Thủy Hoàng nghe theo Lý Tư đốt hết sách vở có phương hại đến đường lối của Tần triều và chôn sống 460 nhà trí thức đối lập. Họ bị chôn sống vì bờ cõi của đế quốc Tần rộng quá, không tài nào chạy thoát. Từ ngày ấy Trung Quốc có một chính phủ duy nhất, một luật pháp duy nhất, nhưng cũng có một lối nghĩ duy nhất. **Trăm hoa hết đua nở và trăm nhà đều im tiếng.**

Sau Tần đến Hán. Các vua triều Hán, khôn ngoan hơn vua Tần, không cấm đoán tư tưởng, nhưng hạn chế tư tưởng bằng cách đưa Khổng giáo lên địa vị quốc giáo, khiến các học thuyết khác phải lùi bước. Triều đình chỉ tuyển lựa những người thông hiểu Ngũ kinh, Tứ thư để bổ làm quan lại, nên Nho học trở thành bậc thang cho giới trí thức bước lên đàn sĩ hoạn. Nhưng cũng vì vậy mà triết lý của Khổng Tử bị xuyên tạc và Khổng học chỉ còn là một lợi khí của giới thống trị. Nói theo kiểu cụ Phan Khôi thì **“Trăm hoa” đã trở thành hoa cúc vạn thọ hết thấy.**

Suốt trong 20 thế kỷ về sau, trí thức Trung Hoa luôn luôn bị khủng bố. Tư Mã Thiên bị thiến, Ban Cố bị chết trong ngục, Phạm Việp vị xử tử... cho đến người cuối là Lương Khải Siêu, phải chạy sang Nhật Bản mới thoát thân. Từ ngày ông Mao Trạch Đông lên kế nghiệp Tần Thủy Hoàng, ông đã giết Hồ Phong, và nhiều học giả khác, nhưng gần đây ông lại tuyên bố cho phép **“Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”**. Không ai biết rõ chủ định của ông Mao như thế nào, nhưng mọi người đều nhận thấy rằng trên toàn cõi Trung cộng hiện nay, không có thứ hoa nào khác hơn là **hoa Mác-Xít**.

Tóm lại dù là chuyên chế kiểu quân chủ hay kiểu cộng sản, chế độ tập quyền vẫn tiêu diệt tự do tư tưởng. Ngày nay cũng như suốt hai nghìn năm về trước, trí thức Trung Hoa vẫn bị bịt mồm, bịt miệng.

Từ ngày Bắc Việt trở thành một “vệ tinh” của khối cộng sản, trí thức ở Bắc Việt cũng lâm vào tình trạng chung của đồng bạn ở khắp trong bức màn sắt. Nhưng “40 năm một thuở”, trong dịp hạ bệ Stalin vừa qua, họ đều đứng dậy đấu tranh chống Đảng, đòi phục hồi quyền tự do tư tưởng. Trong phong trào quật khởi này, trí thức ở Bắc Việt cũng đã góp một phần quan trọng. Suốt trong thời gian hai năm, 1956 và 1957, trí thức ở miền Bắc đã sản xuất trên một trăm bản văn có giá trị. Cộng sản coi những bản văn ấy là những **“cỏ độc”**, nhưng chúng tôi coi những tác phẩm của họ như một **“trăm hoa”** thực sự. Vì vậy nên chúng tôi sưu tầm và kết lại thành một **“bó hoa”** để cống hiến độc giả, hòng góp sức vào công việc làm sáng tỏ thêm nền văn học hiện đại của dân tộc Việt Nam.

Đối với độc giả trong Thế giới Tự do chúng tôi cũng muốn nói một câu: **Không nên nghĩ rằng cần phải chuyên chế mới có đủ phương tiện để thực hiện những công trình vĩ đại, vì xưa kia Tần Thủy Hoàng cũng đã thực hiện những công cuộc vĩ đại, xây đắp Vạn lý Trường thành, thiết lập xa lộ, thế mà nhà Tần vẫn bị mất nghiệp; một mặt khác, chính vì Tần Thủy Hoàng khởi đầu việc đàn áp tư tưởng mà văn hoá Trung Quốc đã bị đứng dừng trong hai ngàn năm nay. Lợi nhất thời không bằng hại muôn thuở.**

*Saigon, tháng Giêng 1959*

**Hoàng Văn Chí**

*Trưởng ban biên tập của Mặt trận Bảo vệ Tự do Văn hoá*

# Hoàng Văn Chí

## TRĂM HOA ĐUA NỞ TRÊN ĐẤT BẮC

Phần I:

### CUỘC NỔI DẬY CỦA TRÍ THỨC MIỀN BẮC

o o o

#### Chương 1:

### Nguyên nhân cuộc nổi dậy của trí thức ở miền Bắc

Trí thức ở miền Bắc Việt Nam đã nổi dậy chống lại chế độ cộng sản từ mùa Xuân năm 1956 mà mãi đến cuối Thu năm ấy báo chí ở Sài Gòn mới được tin vì nhà cầm quyền miền Bắc đã dùng mọi biện pháp để cố tình bưng bít một cuộc nội biến đánh dấu sự suy sụp của hệ thống tư tưởng cộng sản. Suốt trong thời gian mấy tháng, trong khi trí thức ở miền Bắc đã anh dũng vùng dậy đánh những đòn chí mạng vào uy tín của Đảng thì báo chí và đài phát thanh của Đảng hoàn toàn làm ngơ. Đảng chỉ mãi miết dùng lực lượng công an để đe dọa những người đọc báo, bán báo và ra lệnh cho công đoàn xui giục công nhân nhà in không in báo đối lập. Cho mãi đến khi những “đòn ngầm” đó không hạ nổi địch thủ, và cũng đến khi phe đối lập dồn Đảng vào chân tường, không có thể lui, Đảng mới chỉ thị cho các đoàn thể ở khắp mọi nơi viết kiến nghị đòi đóng cửa các báo đối lập. Chính những lúc kiến nghị đồng loạt đó xuất hiện trên mặt báo *Nhân dân*, thì dư luận ở Sài Gòn mới biết là có báo đối lập ở miền Bắc. Chỉ một tháng sau thông tin viên hãng AFP ở Hà Nội loan tin cho thế giới biết việc nông dân ở Nghệ An đã bạo động nổi dậy, dùng gậy tre và những vũ khí thô sơ khác đánh nhau với bộ đội. Tin đó làm nhiều người sửng sốt.

Sửng sốt là phải, vì trước đó một tháng các báo chí của Đảng và đài phát thanh Hà Nội hãy còn say sưa ca khúc khải hoàn sau đợt Cải cách ruộng đất “hoàn toàn thắng lợi”. Đùng một cái, ông Trường Chinh, Tổng Bí thư Đảng, ông Hồ Viết Thắng, Thứ trưởng phụ trách Cải cách ruộng đất đột nhiên bị cất chức: ông Võ Nguyên Giáp phải đứng ra thay mặt Trung ương Đảng công khai thú nhận sai lầm và hứa hẹn sửa chữa. Tiếp đến là tin cán bộ tập kết phá bốp cảnh sát Bờ Hồ, tin học sinh tập kết khởi loạn ở Ngã Tư sở, và cuối cùng là “vụ Quỳnh Lưu”.

Nhiều người ở Sài Gòn không ngờ có những chuyện lạ lùng như vậy. Ngạc nhiên trước tiên là số người trước kia có tham gia kháng chiến, và hiện còn lưu luyến chiến khu. Họ không phân biệt kháng chiến với cộng sản, nên cứ yên trí rằng chế độ miền Bắc thực sự là chế độ “dân chủ cộng hoà” và ông Hồ là một người chân thành ái quốc. Họ cũng đinh ninh rằng những phần tử nhiệt thành như họ, trước kia đã tích cực tham gia kháng chiến thì ngày nay vẫn phục vụ chính sách của “Bác” cho đến cùng. Họ không ngờ rằng “giá” họ được đi tập kết thì chính họ cũng sẽ phải dự vào cuộc phá bốp cảnh sát Bờ Hồ (Hà Nội) để giải thoát cho một số “tập kết” bị giam cầm trong đó.

Những người thông thường, có đôi chút kinh nghiệm đau xót với cộng sản, kể cả những đồng bào Bắc Việt di cư cũng không ngờ rằng trong một thời gian không đầy hai năm tình hình ở nơi quê cha đất tổ có sự thay đổi quá nhanh chóng như vậy. Họ nhớ ngày nào quân đội của “Cụ” kéo vào chiếm đóng Hà Nội, nhân dân thủ đô còn đón rước tung bừng. Nào cờ quạt, nào biểu ngữ, nào cổng chào, nào kéo nhau đi xem văn công, xem triển lãm. Họ không ngờ rằng chỉ một năm sau khi họ bỏ nhà cửa ra đi, bộ đội oai hùng đó lại bị chính ngay nông dân vác gậy phang vỡ đầu.

Giới quan sát ở Sài Gòn thì không ngạc nhiên khi nhận được những tin tức kể trên. Họ đã tiên đoán rằng sớm muộn thế nào cộng sản cũng phải “sửa sai” để vớt vát lòng dân vì từ năm 1926 Mao Trạch Đông, trong bài “Cuộc đấu tranh của nông dân Hồ Nam” đã chủ trương rằng: “Muốn nắm một vật cong thì phải nắm quá mức, để khi buông tay ra thì vừa”. Nhưng phải thú thực rằng ít người ngờ rằng khi buông tay ra, vật cong đó lại bật trở lại quá mạnh, và bật đúng vào mặt người đã “uốn quá mức”.



Vì dân tộc Việt Nam vốn dĩ là một dân tộc có truyền thống chịu đựng để tồn tại. Trong khi chịu đựng, họ luôn luôn chăm chú chờ dịp kẻ thù yếu thế là lập tức quật trở lại. Đối với cộng sản ngày nay cũng như đối với phong kiến Trung Quốc thuở xưa, dân Việt Nam vẫn dùng chính sách dĩ nhu nhược thắng cương cường. Họ giả vờ gãi đầu gãi tai, vâng vâng, dạ dạ, làm cho kẻ thống trị ăn no ngủ yên, lâu ngày sinh ra chủ quan khinh địch. Bệnh chủ quan này người Hán, người Minh, người Pháp ngày xưa đã mắc phải. Ngày nay Việt cộng và các cố vấn “vĩ đại” cũng không sao tránh được. Vì nếu thực dân và đế quốc có chủ quan của thực dân đế quốc, thì cộng sản cũng có chủ quan đặc biệt của cộng sản. Mặc dù đã học thuộc biện chứng pháp, họ vẫn quên không nhớ rằng mọi vật đều biến chuyển, nên chỉ họ không ngờ rằng ngay trong hàng ngũ của họ đã phát sinh ra những “mâu thuẫn đối kháng” đưa dần đến sự “huỷ thế của huỷ thế”.

Nói một cách khác, Việt cộng không tính đến hai việc: Một việc là giới trí thức đã tham gia kháng chiến dưới quyền lãnh đạo của họ lại dám ngang nhiên nổi dậy chống họ, hai là họ không ngờ rằng đồng chí Khrushchev lại “nỡ lòng” hạ bệ cố đồng chí Stalin vĩ đại.

Chúng ta thử xét xem hai việc này có liên quan mật thiết như thế nào?

\*

\*\*

Nguyên nhân của mọi cuộc cách mạng đều có thể chia làm hai loại: Khách quan và chủ quan. Những nguyên nhân khách quan là những biến chuyển quốc tế quốc nội đột nhiên làm giảm uy thế của giai cấp thống trị và nguyên nhân chủ quan là đời sống mỗi ngày một đen tối của giai cấp bị trị, bị áp bức và bóc lột tới một mức không thể chịu đựng lâu hơn.

## **A. Những nguyên nhân khách quan**

Những nguyên nhân này có thể chia làm hai loại: Một là ảnh hưởng quốc tế do bài diễn văn của Khrushchev hạ bệ Stalin gây nên, hai là ảnh hưởng của chiến dịch Cải cách ruộng đất mà giới trí thức miền Bắc đã mệnh danh là một cuộc “ám sát tập thể”.

### **a) Việc hạ bệ Stalin**

Ngay sau khi Stalin nhắm mắt thì những mâu thuẫn nội bộ đã phát sinh từ ngay trong bốn bức tường của điện Kremlin. Nào thanh trừng Beria, lật đổ Malenkov, rồi đến hạ bệ uy tín của mỗ ma Stalin. Hiện nay chưa ai biết đích xác tại sao Khrushchev lại giở cái trò hạ bệ uy tín của một người đã mỗ yên mà đẹp một cách kỳ quặc như vậy. Nhưng phần lớn các nhà quan sát quốc tế cho rằng Khrushchev muốn làm khuấy khoả lòng dân Nga giữa lúc những nỗi khổ cực của họ đã chông chát tới một mức họ không thể chịu nổi. Đồ tất cả tội lỗi lên đầu một kẻ đã quá cố là một diệu kế để xây dựng uy tín của người mới kế nghiệp và tạo cơ hội để thanh trừng nội bộ.

Các đại biểu dự cuộc Hội nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô quả đã giật mình khi thấy Khrushchev kể ra nào Stalin đã lưu đày các dân tộc thiểu số, thủ tiêu hàng vạn đảng viên đối lập, hàng ngàn sĩ quan của Hồng quân. Khrushchev vạch ra nào là sự u mê của Stalin trước hiểm hoạ xâm lăng của Đức Quốc xã, nào là sự ngu độn trong việc điều khiển chiến tranh. Lãnh tụ mới tuyên bố trước Hội nghị rằng nguyên nhân duy nhất của tất cả những sai lầm và tội lỗi mà Nga-sô đã mắc phải trong triều đại Stalin là bệnh sùng bái cá nhân. Khrushchev định nghĩa sự sùng bái cá nhân là: đề cao một vị lãnh tụ thành một thánh sống có tài triệt thấu mọi việc trong thiên hạ, giải quyết được mọi việc cho mọi người mà không hề mảy may sai lầm.

Hội nghị lần thứ 20 cũng sửa đổi lại luận thuyết Stalin, ấy là từ bỏ quan niệm quá khích của Stalin nói rằng “cách mạng nhất thiết phải bạo động và càng tiến tới xã hội chủ nghĩa thì đấu tranh giai cấp càng quyết liệt”. Thay vì chính sách “quá tả” của Stalin, Khrushchev đưa ra một chính sách mềm dẻo hơn, đối ngoại cũng như đối nội, Khrushchev tuyên bố sẽ dân chủ hoá chế độ và hứa hẹn từ nay sẽ lãnh đạo “tập thể”. Đợi mãi không thấy Khrushchev ban bố một biện pháp gì khả dĩ mang lại ít nhiều dân chủ, ngoài việc Khrushchev đi đâu cũng cặp kè với Bulganin cho có bạn đồng hành, các nhà văn Nga bắt đầu lên tiếng đòi hỏi. Người cầm đầu phong trào là Dundinsev. Ông viết một loạt bài báo lấy nhan đề là “Cơm áo không đủ”, trong đó ông trình bày những bất công của chế độ, nhưng khi xin phép xuất bản thành sách thì nhà cầm quyền Nga không cho. Quyền sách này phải gửi sang Anh xuất bản.

So với các nước Đông Âu thì phong trào đòi hỏi tự do ở Nga tiến chậm hơn, nên chưa kịp gây ảnh hưởng sâu rộng, thì vụ Budapest đã xảy ra, khiến Khrushchev vội vã trở lại chính sách cứng rắn của Stalin và thẳng tay đàn áp.

### **b) Khẩu hiệu “Trăm hoa đua nở”**

Tuy các lãnh tụ Trung cộng phải tuân theo chỉ thị của Đệ tam Quốc tế và công bố tân chính sách, nhưng vì tình hình nội bộ không đến nỗi khẩn trương như ở Nga-sô, nên họ chỉ thi hành một cách hời hợt cho đủ lệ, nghĩa là chỉ tung ra một khẩu hiệu rất mờ mờ là “Trăm hoa đua nở”. Ngoài ra họ tránh không áp dụng một biện pháp nào có tính cách nói rộng tự do dân chủ.

Ngày 25 tháng 5 năm 1956, cục trưởng cục Tuyên huấn của Đảng Cộng sản Trung Quốc là Lục Định nhất triệu tập các nhà khoa học, xã hội học, các văn nghệ sĩ, các đại diện đảng phái bù nhìn và một số “nhân sĩ tiến bộ” đến viện Hoài Nhân đường ở Bắc Kinh để đọc cho họ nghe một bài diễn văn nhan đề là “Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh”. Họ Lục nói rằng hai câu tám chữ đó là ông Mao đã trích ở cổ văn ra và giao cho ông công tác giải thích. Họ Lục nói rằng:

*“Nếu không có nhiều môn phái, nhiều chủ trương thì văn nghệ không thể trở nên phong phú được.”*

Vừa mới nói ra, họ Lục lại vội vàng khép lại:

*“Hai nghìn năm về trước, trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, Trung Quốc có nhiều học phái khác nhau. Hồi đó các học phái đều tự ý phát triển, không phục tùng một hệ thống tư tưởng nào cả, nhưng ngày nay... chính quyền của nhân dân đã thành lập và vững mạnh thì sự tranh luận của bách gia ngày nay phải nằm trong khuôn khổ một chương trình chung.”*

Nói về những tương quan giữa văn học và chính trị họ Lục cũng tuyên bố nước đôi như sau:

*“Cần phải đề cao sự tự do tranh luận và bênh vực ý kiến trong mọi ngành học thuật nhưng đồng thời cũng không nên lẫn lộn những cuộc tranh luận xây dựng trong nội bộ Đảng với những cuộc tranh đấu để tiêu diệt những phần tử phản động... Có hai lối phê bình: Phê bình kẻ thù và phê bình những đồng chí phạm sai lầm. Phê bình kẻ thù là đập cho nó một truy vỡ sọ chết tươi, còn phê bình một đồng chí phạm sai lầm là lấy khoan hồng đưa dần họ về với chính nghĩa.”*

Ông Lục Định Nhất nói rất nhiều, nhưng quên không định nghĩa thế nào là “kẻ thù” và thế nào là “phạm sai lầm” nên không ai dám đụng chạm đến Đảng, sợ nhờ bị “một truy vỡ sọ chết tươi” như ông Lục đã cảnh cáo. Vì vậy nên phong trào chống đối ở Trung Quốc chậm phát hơn ở các nước cộng sản khác. Mãi đến 1957 nhóm La Long Cơ mới khởi sự chống Đảng.

### **c) Tình hình ở các nước Đông Âu, ở Ba Lan**

Ba Lan vốn dĩ là một nước có truyền thống quốc gia rất mạnh, nên phong trào chống đối Nga bộc phát trước tiên. Sau vụ Poznan (28-6-56) các nhà cầm quyền Sô-viết nhận thấy sức mạnh của lý tưởng quốc gia nên cố tìm cách đàn áp phong trào Nhưng đảng Cộng sản Ba Lan tranh chấp quyền hành với Nga-sô, tự ý đón Gomulka từ nhà tù về và đưa lên nắm chính quyền. Đứng trước sự đã rồi, Khrushchev đành nuốt hận làm lành và tiếp đón Gomulka một cách gượng gạo. Về phần Gomulka, ông cũng khéo léo cố tránh không làm gì khiến Nga-sô phải bẽ mặt và kiếm cớ can thiệp.

### **d) Ở Hung Gia Lợi**

Chỉ vài tháng sau các nhà lãnh tụ Sô-viết phải đối phó ngay với cuộc khởi nghĩa của dân chúng Hung. Trong mấy ngày đầu họ yên trí rằng họ có thể thu hẹp phạm vi ảnh hưởng như việc đã xảy ra ở Ba Lan, nhưng đến khi dân chúng đòi độc lập và dân chủ hoàn toàn thì Khrushchev ra lệnh cho bộ đội quay trở lại đàn áp. Vụ Budapest đã vang dội khắp thế giới và có ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần dân chúng ở Bắc Việt.

### **e) Tình hình ở Bắc Việt năm 1956**

Nếu mang so sánh thì chúng ta có thể nhận thấy các lãnh tụ ở Bắc Việt trong năm 1956 quả đã vất vả hơn các vị đàn anh của họ ở Trung Quốc. Lý do là vì Trung cộng đã hoàn thành chiến dịch Cải cách ruộng đất từ mấy năm trước khi Đệ tam Quốc tế ban hành đường lối mới nên tình hình chính trị tương đối đã được ổn định. Hơn nữa Trung cộng đã thanh trừng hết mọi phần tử trí thức đối lập trong vụ án Hồ Phong nên nắm vững được tình hình nội bộ để đối phó với làn sóng cách mạng từ Đông Âu tràn sang. Trái lại, khi Mikoyan, sứ giả của điện Kremlin sang Hà Nội để giải thích về “tân chính sách” thì cuộc cách mạng ruộng đất ở miền Bắc còn đang dở dang, và đang ở giai đoạn chót và mạnh nhất. Đứng trước tình thế đó ông Hồ Chí Minh đành trì hoãn việc ban bố chính sách mới và cứ để yên cho cuộc đấu tố tiếp diễn, vì không có lý gì (theo lời ông Hồ) lại “đội một gáo nước lạnh vào đầu cán bộ”.

Do đó mãi đến tháng tám năm 1956 Việt cộng mới phổ biến quyết định quan trọng của Hội nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời tuyên bố “Sửa sai”, vì mãi đến cuối tháng Bảy mới hoàn thành đợt chót của chiến dịch Cải cách ruộng đất, gọi là đợt Điện Biên Phủ. Vì để quá lâu mới mở “súp páp” nên khi mở thì hơi xì phải mạnh hơn. Những nỗi oan ức mỗi ngày một chồng chất thêm đã gây trong dân chúng một không khí căm thù đối với chế độ mỗi ngày một sâu rộng. Đồng thời tình hình Đông Âu mỗi ngày một căng thẳng. Vụ Poznan đã xảy ra ngày 28-6-1956 và kể đến vụ Budapest, ngày 23-10-1956 làm rung chuyển bộ máy thống trị của Đệ tam Quốc tế ở khắp các nước chư hầu.

### **Chiến dịch sửa sai**

Chiến dịch này bắt đầu bằng việc giải thích bằng báo chí và bằng “học tập” về quyết nghị của Hội nghị lần thứ 20, trong đó có nói đến “bệnh tôn sùng cá nhân” và “chính sách tập thể”. Việc thứ hai là “hạ bệ” ông Trường Chinh và ông Hồ Việt Thắng, và thả ra 12 ngàn đảng viên bị cầm tù vì bị quy làm là địa chủ, trong số đó có nhiều người đã bị lên án tử hình.

### **Ảnh hưởng của “sửa sai” ở nông thôn**

Sau khi các đảng viên trung kiên được thả từ nhà tù về, được khôi phục công quyền, khôi phục đảng tịch và chức vụ thì họ tìm ngay đến các “đồng chí” đã “tố sai” để trả thù. Do đó tình trạng xung đột giết chóc giữa đảng viên cũ và đảng viên mới lan rộng khắp mọi nơi. Uy tín của Đảng bị sụp đổ, cán bộ đâm ra hoang mang. Trong dịp này nhà văn Nguyễn Sáng có nói một cách hài hước: “Lạc quan sai; bi quan cũng sai; chỉ có *hoang mang* mới đúng”. Nhân dân được dịp đòi lại ruộng nương, nhà cửa bị tịch thu.

Ở nông thôn các đảng viên đi họp phải mang búa theo để “thảo luận” với nhau. Những địa chủ được tha về, thấy tình trạng làng xóm như vậy, vội vàng chạy ra thành phố ở nhờ các gia đình “tiểu tư sản” hồi kháng chiến đã trú ngụ tại nhà mình. Các bản cổ nông, trót nghe lời Đảng “tố điều” nay sợ bị rạch mồm, cắt lưỡi, cũng vội vàng chạy ra thành phố để đạp cyclo và đi ở. Vì vậy nên dân số ở Hà Nội, Nam Định đột nhiên tăng gấp bội và không khí căm thù ở nông thôn lan ra thành phố, lây cho công nhân, tiểu tư sản, sinh viên và trí thức. Đáp lại vụ nổi loạn của nông dân ở Quỳnh Lưu, thanh niên và công nhân “Nam bộ tập kết” đập phá bót cảnh sát Bờ Hồ Hà Nội (bên cạnh ga tàu điện, đầu phố Cầu Gỗ).

### **B. Những nguyên nhân chủ quan**

Trí thức ở miền Bắc trước kia đã chân thành hợp tác với cộng sản để kháng chiến mà ngày nay phải đứng dậy chống lại chính quyền cộng sản, một phần vì *nhiệm vụ thiêng liêng của họ bắt họ phải luôn luôn tranh đấu cho tự do dân chủ* mà chế độ cộng sản cũng chỉ hẹn hò nhưng thực sự không mang lại. Một phần khác cũng vì *chính bản thân họ bị bóc lột và bị áp bức tới mức độ mà không ai chịu nổi*. Nhìn xung quanh mình, người trí thức chỉ thấy chém giết và khủng bố, dã man hơn cả những thời kỳ mà sử sách đã ghi chép, nhìn vào bản thân, họ thấy họ trở thành một thứ tôì đòi, vừa bị bóc lột vừa bị chà đạp. Từ giai cấp tiểu tư sản họ tụt xuống trở thành vô sản. Từ địa vị lãnh đạo tư tưởng và học thuật họ đã trở thành một thứ người mà ông Mao ngang nhiên gọi là “không ích lợi bằng cục phân”.

#### **a) Đời sống vật chất của giới trí thức ở miền Bắc**

Ai cũng biết trong thời gian kháng chiến giới trí thức đã phải sống một đời sống cơ cực. Câu chuyện cụ Phan Khôi khi trở về Hà Nội, được bạn thân đãi cơm có thịt gà, cầm đũa chỉ vào miếng thịt trên mâm mà nói đùa: “*Chín năm nay tao lại mới gặp mày*”, đã trở thành một giai thoại.



Nhưng không phải tất cả văn nghệ sĩ về Hà Nội đều gặp được thịt gà. Một đoạn trong bản đề án của ông Hoàng Huế, một thi sĩ tập kết, gửi Đại hội Văn nghệ Toàn quốc, đăng trong tập *Giai phẩm* đã tả cho chúng ta biết tình hình sinh hoạt vật chất của đa số văn nghệ sĩ ở chiến khu trở về Hà Nội. Ông Hoàng Huế viết:

*“Ai cũng biết rằng đời sống của chúng ta thiếu thốn quá. Đây là một sự thật buồn bã vẫn hàng ngày đập vào mặt chúng ta làm cho những kẻ đơn giản nhất cũng phải suy nghĩ. Chúng ta không thắc mắc về cảnh sống trong kháng chiến. Nhưng trở về Hà Nội, giữa những phố xá đầy hung lụa, tủ kính và ánh đèn xanh đỏ, có lẽ chưa bao giờ người nghệ sĩ cảm thấy cay đắng như lúc này. Cần phải nói thẳng rằng ở một toà soạn báo văn nghệ, trong số 8 biên tập viên có vợ, thì 6 người đã thất nghiệp hay bán thất nghiệp. Những trang giấy trắng đáng lẽ chỉ dùng để chép thơ cũng đã bao lần biến thành đơn xin việc. Những lá đơn ấy gửi đi rồi im lặng không nghe một tiếng trả lời. Sự thật đã có những nhà văn viết đêm, không có một tách cà phê để uống. Đã có những thi sĩ không làm thế nào mua được dăm điếu thuốc lá trong cơn nghiện, và đã có một kịch sĩ bán chiếc đồng hồ đeo tay của mình để bồi dưỡng viết cho xong cuốn sách, nhưng in ra không đủ tiền để chuộc chiếc đồng hồ. Hữu Loan có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Nằm trong bóng tối của một gian nhà nhỏ ở ngoại ô Hà Nội khi không có tiếng vợ kêu con khóc, Hữu Loan chỉ mơ ước có một ngọn đèn dầu để thức mà viết. Văn Ký cũng có thể nói cho chúng ta biết tình cảnh của anh. Buổi sớm mai không có củ khoai luộc cho con ăn, nghe tiếng con kêu khóc mà đứt ruột.”*

Đoạn văn kể trên là lời phát biểu của thi sĩ Hoàng Huế về đời sống vật chất của giai cấp mà cụ Phan Khôi mệnh danh là “*quần chúng văn nghệ*”. Căn cứ vào những lời trình bày của ông Hoàng Huế thì đời sống của văn nghệ sĩ sau khi họ về Hà Nội còn cực hơn thời kỳ họ nằm gai nếm mật ở chiến khu gấp bội lần. Nhưng không phải mọi văn nghệ sĩ đều sống một cách đen tối như vậy. Đây là lời ông Hoàng Huế tả về đời sống của cấp lãnh đạo, một giai cấp mà Milovan Djilas gọi là “*giai cấp thống trị mới*”:

*“Hai năm hoà bình, chúng ta thấy có nhiều nhà văn (trước kia) có tài, (ngày nay) bị buộc chặt vào địa vị bằng những sợi lụa có tấm thuốc độc. Tác phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn, thông cáo. Họ trịnh trọng thắt cà vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đít cua và nhồm nhoàm ăn tiệc, rồi lại xách va ly, bay đó bay đây, trên mây trên gió.”*

Đây là thi sĩ Hoàng Huế muốn nói đến các nhà văn như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Hoài Thanh, Xuân Diệu vân vân... Họ là cấp lãnh đạo, chuyên môn ra chỉ thị, kế hoạch cho quần chúng văn nghệ thi hành, nghĩa là sản xuất theo “*com măng*” của Đảng đặt. Còn bọn quần chúng văn nghệ thì nai lưng sáng tác để bán rẻ văn chương cho Đảng lấy mỗi tháng vài chục kí lô gạo.

Hiện nay trong giới văn nghệ sĩ ở miền Bắc có hai giai cấp, sống hai đời sống quá chênh lệch. Cụ Phan Khôi gọi giai cấp trên là *giai cấp lãnh đạo* và giai cấp dưới là *giai cấp quần chúng văn nghệ*. Cụ Phan Khôi gọi như vậy vì cụ muốn nói cho có văn vẻ. Sự thực thì nhiều người gọi một cách nôm na là “*cai văn nghệ*” và “*cu ly văn nghệ*”. Gọi bằng hai danh từ đó mới thực sự nêu lên được tình trạng “*người bóc lột người*”. Người bóc lột hiện nay không phải là một nhân vật cầm ba-toong, ngậm xì-gà mà là Đảng, một vật vô hình, bóc lột hàng triệu nô lệ làm việc bằng chân tay hay bằng trí óc, để nuôi một lũ cán bộ “*thắt cà vạt đỏ và ăn tiệc nhồm nhoàm*”. Đây quả thật là một cuộc đấu tranh giai cấp, giữa một giai cấp thống trị ngồi mát ăn bát vàng và một giai cấp bị trị, bị bóc lột đến tận xương tủy.

Trong khi bọn văn nghệ sĩ dám can đảm sống với lý tưởng của mình để không có củ khoai mà ăn thì Nguyễn Tuân sang Helsinki dự Hội nghị Hoà bình Thế giới, ở một khách sạn lớn vào bực nhất mà còn chê là cơm ở khách sạn đó không hợp khẩu vị. Nguyễn Tuân viết:

*“Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bổ béo; nghi thức lúc ăn thực là sang trọng; đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc, những chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại... Nhưng tôi ăn uống sao không thấy ngon...”*. (Xem bài “*Phở*” của Nguyễn Tuân trong phần tài liệu.)

Còn Nguyễn Công Hoan khi sang dự Hội nghị Văn hoá Á châu lại đương nhiên vào nằm ở khách sạn Asoka là khách sạn nổi tiếng là nơi trú ngụ của các bậc đế vương trên thế giới.

## **b) Đời sống tinh thần của văn nghệ sĩ ở miền Bắc**

Sự chênh lệch không những chỉ thể hiện trên đời sống vật chất, mà còn thể hiện sâu sắc hơn

trong cuộc sống tinh thần. Trong khi quần chúng văn nghệ phải làm việc như tôi mọi, thì một thiểu số, vừa thiếu đức vừa thiếu tài, chỉ khéo nịnh hót để ăn trên ngồi chốc, tác oai tác quái. Một văn nghệ sĩ giấu tên đã làm bài thơ sau đây đăng trong báo *Văn* số 24 ngày 10-10-1957.

### **Ông “Vỗ ngực”**

*Học thuật văn chương chữa sạch nghề  
Tập toè lên lớp cũng khen chê  
Giáo điều khó nuốt lên thô bạo  
Lý luận không tiêu kéo nặng nề.  
Tình cảm khô khan như củi gộc  
Phê bình nồng nặc tựa cơm khê.  
Anh em vận lại, cùng kỳ lý,  
Vỗ ngực, ông giơ Đảng chực loè.*

Không phải chỉ có loè không mà còn mắng thực sự. Chứng cứ là Nguyễn Công Hoan, tên lý trưởng văn nghệ đã từng nằm ở khách sạn Asoka mắng cụ Phan Khôi, tên cu-ly văn nghệ đáng tuổi bố.

Sự thể là nhân dịp cụ Phan Khôi thượng thọ 70 tuổi, giữa lúc cụ đương bị Đảng quy vào tội phản động, không một ai dám lai vãng đến chúc thọ cụ vì sợ bị liên quan, cụ bèn làm một bài thơ để kỷ niệm ngày thượng thọ của cụ. Trong bài thơ đó có hai câu như sau:

*Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi!  
Thọ ta, ta chúc lọ phiền ai.*

Bài thơ này không xuất bản, nhưng cũng đến tai Nguyễn Công Hoan, Hoan liền làm một bài thơ hoạ lại như sau:

*Nhấn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi!  
Thọ mi, mi chúc chớ hòng ai. V  
ăn chương! Đù mẹ thẳng cha bạc!  
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài  
Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó,  
Nhân văn, nay lại hít gì voi,  
Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục,  
Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.*

Đại khái thì toàn bộ giai cấp mới đều đều cáng và hèn hạ như vậy. Trên đây là thơ, còn những đoạn văn xuôi chứng nhận rằng hiện nay ở miền Bắc đã phát xuất những hạng người thô bạo và hống hách như vậy thì có rất nhiều. Cụ Phan Khôi, trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” (xem phần tài liệu) mang cộng sản ra so sánh với phong kiến và kết luận rằng cộng sản còn tàn bạo và quan liêu hơn phong kiến gấp nhiều lần.

Trần Duy trong bài “Những người khổng lồ” (xem phần tài liệu) ví bọn cán bộ cộng sản như một lũ người “không tim”.

Ngoài ra ông còn vẽ bức tranh khô hài nhan đề “Một phương pháp xây dựng văn nghệ”, đăng trong báo *Văn* số 30 ra ngày 29-11-1957, trong đó ông chế giễu sự can thiệp thô bạo của chính trị vào lĩnh vực văn nghệ. (Xem tranh ở trang 35.)

Nhưng đặc biệt nhất là bài “Thi sĩ máy” của Như Mai đăng trong tờ *Nhân văn* số chót trong đó ông chế giễu sự ngu dốt của cán bộ cộng sản về văn nghệ và cách chúng đối xử với văn nghệ sĩ sau này như thế nào. Ông viết:

*“... Nhạc sĩ Áo Huyền được cử đi học lớp ‘nghiên cứu nghề làm nước mắm’; họa sĩ Lập Thế được điều động sang Mậu dịch; nữ sĩ Trong Trắng ném bút làm nghề đỡ đờ, thi sĩ Mây Nước ra Bờ Hồ làm nghề bó Kiều, tán róc về thành phần giai cấp cho những người có óc mê tín. Văn sĩ Đấng Văn Cay phải ra chợ Giời làm nghề bán văn kiêm bán sấm lớp. Sấm lớp vì cần được khuyến khích nên miễn thuế, còn văn của Đấng Văn Cay thì bị liệt vào hạng vô dụng và phải chịu thuế bốn phần trăm. Rất ít người chịu quảng tiền ra mua. Đôi ba vị khó tính lại còn rủa rói: ‘Văn chương anh thì ra cái đêch gì! Không ích lợi bằng chiếc đế dép cao su của tôi nữa kia!’. Nhà đạo diễn Kinh Kha được chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyến tiếc sân khấu, thường ngắm cá bơi lội rồi tưởng tượng con cá vây bạc óng ả này là*

*Điều Thuyền, con cá mặt đen nó là Bao Công, cặp cá đuôi cò lồi mắt kia là đôi nhân vật tiểu tư sản v.v...”*

(Xem trọn bài trong phần tài liệu)

Viết mấy dòng này Như Mai có ý nhấn nhủ những trí thức nào còn mê “thiên đường cộng sản” thì hãy nên biết trước số phận mà cộng sản sẽ dành cho mình trên cõi thiên đường đó.

### **c) Tâm trạng của giới trí thức ở miền Bắc**

Tâm trạng của đại đa số trí thức ở miền Bắc, nhất là những trí thức đã dày công theo đuổi kháng chiến, là thấy mình bị lợi dụng tài năng, bị bạc đãi, khinh miệt và cuối cùng là ruồng bỏ, và khùng bố. Tâm trạng đó giống hệt tâm trạng một người đàn bà đẹp, bị rơi vào phận lẽ mọn, và bị chồng và vợ cả vùi dập. Nếu ngày xưa Hồ Xuân Hương đã cảm cảnh vợ lẽ mà thốt ra câu:

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung  
Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng*

thì ngày nay cụ Phan Khôi cũng phải ngán cảnh “kháng chiến ngô ngoài” mà ngâm mấy vần thơ sau đây:

*Tuổi già thêm bệnh hoạn  
Kháng chiến thấy thừa ta  
Mối sầu như tóc bạc  
Hể cắt lại dài ra.*

Ông Nguyễn Mạnh Tường trong bài diễn văn của ông nói về những sai lầm trong Cải cách ruộng đất cũng phải nêu lên câu hỏi sau đây:

*“Có một chỗ nào mà người trí thức ngoài Đảng nắm được thực quyền hay không? Tác dụng ‘hiếu hỉ’ hay ‘cười gặt’ thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương vị ấy, ngoài vai trò hiếu hỉ, cười gặt, người trí thức có một trách nhiệm gì không? Có quyền nói gì, làm gì không? Quả chúng đã biết và tôi miễn giả lời.”* (Xem trọn bài trong phần tài liệu.)

Trí thức “sống chung” với cộng sản, chỉ được đặt vào địa vị “hầu non” cười về để tô điểm cho nhà cửa thêm sáng sủa, còn thực quyền thì bao giờ cũng do vợ cả nắm. Vợ cả đây, ai cũng biết là bản cố nông, vì cộng sản chẳng hề giấu diếm điều đó. Tâm trạng thứ hai của trí thức là thấy sự hy sinh của mình trong chín mươi năm trời không đưa lại mây may hạnh phúc. Trong chế độ “dân chủ cộng hoà” ngày nay vẫn đầy rẫy một lũ chuyên môn nịnh hót để chấm mút và tác oai tác quái. Hữu Loan đã phải rên rỉ như sau:

*Một điều đau xót  
Trong chế độ chúng ta  
Trong chế độ “Dân chủ Cộng hoà”  
Những thằng nịnh hót còn thên thang đất sống...*

Rồi ông hô hào mọi người hãy đứng lên làm “tổng vệ sinh” quét sạch lũ chúng, ông hô:

*Những người đã đánh bại xâm lăng;  
Đồ bưng mặt vì những tên quốc sĩ  
Ngay giữa thời nô lệ*

*Là người, chúng ta không ai biết cú đầu* (Xem trọn bài trong phần tài liệu.)

Vì đồ bưng mặt, không chịu được sự khinh mạn của cộng sản, nên họ phải vùng dậy. Cụ Phan Khôi phần uất quá chùng nên nói liều như sau:

*Làm sao cũng chẳng làm sao,  
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi.  
Làm chi cũng chẳng làm chi,  
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao.*

Từ chỗ uất ức đó tiến tới chỗ ra báo để ngang nhiên chống lại Đảng chỉ có một bước.